

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43 /2022/DS-ST

Ngày: 21/ 9/ 2022

V/v: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Bản

Ông Nguyễn Quốc Phú

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2022/TLST – DS ngày 13 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N (A); Địa chỉ: Số 02 đường Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Ngọc L - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N - chi nhánh Quang T Quảng Bình (A Chi nhánh Quang T Quảng Bình); Địa chỉ trụ sở: Số 48 Quang T, phường Đồng H, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình; Ông Hoàng Ngọc L có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trương H; sinh năm: 1986 và bà Phan Thị Hồng T; sinh năm: 1988; Cùng thường trú tại: Thôn Hà T, xã Bảo N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình. Ông Trương H và bà Phan Thị Hồng T đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn - Ngân hàng N (A), trong đơn khởi kiện và trong các văn bản tố tụng trình bày:

Ông Trương H và bà Phan Thị Hồng T (bên vay) có ký với Ngân hàng N A Chi nhánh Quang T Quảng Bình (Bên cho vay) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số: 3807-LAV-201900257 ngày 29/03/2019 được ký giữa A Chi nhánh Quang T Quảng Bình (Bên cho vay) với ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T (Bên vay). Mục đích sử dụng tiền vay: Sửa chữa tàu cá, mua lưới zàng zàng đánh bắt hải sản..., bù đắp tài chính đối với khoản vốn đã sử dụng để sửa chữa tàu cá, mua lưới zàng zàng đánh bắt hải sản không quá 12 (mười hai) tháng. Số tiền cho vay tối đa: 1.250.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn), Thời hạn cho vay: 84 tháng (7 năm). Ngân hàng đã giải ngân và giao đủ số tiền 1.250.000.000 đồng cho ông H và bà T.

Số tiền mà ông H và bà T đã trả cho Ngân hàng đến phiên hoà giải ngày 25/8/2022: 425.700.220 đồng. (Trong đó: Số tiền gốc: 250.000.000 đồng. Số tiền lãi: 175.700.220 đồng).

Về tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông H và bà T tại Ngân hàng A chi nhánh Quang T Quảng Bình đến thời điểm hiện tại được thế chấp theo: Hợp đồng thế chấp tài sản số: 20/2019 /HĐTC ngày 28/03/2019 được ký giữa A chi nhánh Quang T Quảng Bình (Bên nhận thế chấp) với ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T (Bên thế chấp).

Tài sản bảo đảm cụ thể: Tàu đánh cá vỏ gỗ, máy chính nhãn hiệu NIIGATA6NSF-M, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70058, số đăng ký QB-91076-TS, cơ quan đăng kiểm: Trung tâm đăng kiểm tàu cá Quảng Bình, cấp tại Quảng Bình ngày 27/02/2017 vào sổ ĐKTCQG số: Bảo Ninh ngày 27/02/2017 (Hiện nay tàu đã cháy hoàn toàn). Tài sản này đã được thế chấp và thực hiện công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Pháp luật. Hiện tại Tài sản bảo đảm đã bị cháy hoàn toàn do nguyên nhân chập điện theo hồ sơ của Công an thành phố Đồng Hới gồm: Kết luận giám định số 09/GD-PC09 ngày 31/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình; Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 10 ngày 08/04/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Hới; Thông báo số 167 ngày 08/04/2021 về việc không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Hới; Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 168 ngày 08/04/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Hới.

Khoản vay của ông H và bà T không chấp hành trả nợ các kỳ hạn đến hạn trả nợ tiếp theo đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, đã phát sinh quá hạn từ ngày 29/3/2021. Do vậy Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và đã nhiều lần thông báo nợ đến hạn, nợ quá hạn, thông báo vi phạm Hợp đồng tín dụng và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ và nhiều lần làm việc thống nhất phương án xử lý nợ vay, nhưng đến nay ông H và bà T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ tại Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ông H và bà T không phối hợp xử lý tài sản

bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý nợ, thu hồi nợ của Ngân hàng.

Căn cứ các nội dung nêu trên, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới tuyên buộc:

Ông Trương H và bà Phan Thị Hồng T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 05/5/2022 là 1.146.528.248 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, hai trăm bốn mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi 146.528.248 đồng (trong đó, nợ lãi trong hạn là 144.203.783 đồng, nợ lãi quá hạn là 2.324.465 đồng).

Buộc ông Trương H và bà Phan Thị Hồng T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 3807-LAV-201900257 ngày 29/3/2019 cho đến ngày thực tế trả hết nợ gốc cho Agribank.

Ngân hàng N (A) yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên buộc ông Trương H và bà Phan Thị Hồng T phải bổ sung tài sản bảo đảm thay thế cho tài sản bảo đảm đã bị cháy là Tàu đánh cá vỏ gỗ, máy chính nhãn hiệu NIIGATA6NSF-M, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70058, số đăng ký QB-91076-TS, cơ quan đăng kiểm: Trung tâm đăng kiểm tàu cá Quảng Bình, cấp tại Quảng Bình ngày 27/02/2017 vào sổ ĐKTCQG số: Bảo Ninh ngày 27/02/2017.

Ngân hàng N (A) yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên nếu ông Trương H và bà Phan Thị Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A Chi nhánh Quang T Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trương H, bà Phan Thị Hồng T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

*** Ý kiến của bị đơn ông Trương H:** Tại bản tự khai và các phiên hoà giải cũng như tại phiên toà:

Ông H và bà T không có yêu cầu phản tố.

Ông H thừa nhận ông H và bà T có vay tại A Chi nhánh Quang T Quảng Bình hợp đồng tín dụng như đại diện Ngân hàng vừa trình bày. Ngân hàng đã giải ngân và giao đầy đủ cho chúng tôi số tiền 1.250.000.000 đồng cho ông H và bà T.

Từ ngày nhận đủ tiền giải ngân đến phiên hòa giải ngày 25/8/2022, tôi (H) và vợ tôi (T) thừa nhận số tiền mà vợ chồng tôi đã trả cho Ngân hàng đến phiên hoà giải ngày 25/8/2022: 425.700.220 đồng. (Trong đó: Số tiền gốc: 250.000.000 đồng. Số tiền lãi: 175.700.220 đồng).

Tổng dư nợ mà vợ chồng tôi còn nợ và phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 25/8/2022 là 1.178.024.338 đồng (Trong đó: Nợ gốc phải trả: 1.000.000.000 đồng,

Nợ lãi: 178.024.338 đồng (trong đó: Nợ lãi trong hạn 168.663.656 đồng, nợ lãi quá hạn 9.360.682 đồng).

Lý do mà chúng tôi chưa trả được cho Ngân hàng theo thỏa thuận là: Do từ khoảng năm 2020 đến nay gia đình làm ăn khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, thiên tai và lũ lụt và do sự cố con tàu là tài sản đảm bảo duy nhất của vợ chồng tôi với Ngân hàng đã bị cháy nên chúng tôi chưa thực hiện đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tại Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi phải thanh toán số tiền gốc và lãi tính đến phiên hòa giải ngày 25/8/2022, chúng tôi thừa nhận tổng toàn bộ số tiền nợ như Ngân hàng vừa trình bày tại phiên hòa giải. Tuy nhiên, hiện nay điều kiện kinh tế gia đình đang khó khăn công việc làm ăn, do tình hình chung về dịch bệnh Covid-19 nên vợ chồng tôi xin Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng tôi gia hạn thêm thời gian để tìm cách trả nợ cho Ngân hàng.

*** Ý kiến của bị đơn bà Phan Thị Hồng T:** Nhất trí như ý kiến của ông Trương H và không có ý kiến khác. Bà T trình bày, hiện nay, ông H và bà T không sở hữu bất kỳ tài sản nào khác để có thể thay thế tài sản đảm bảo đã thế chấp tại Ngân hàng là con tàu đã cháy.

Tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T phải bổ sung tài sản bảo đảm thay thế cho tài sản bảo đảm đã bị cháy là Tàu đánh cá vỏ gỗ, máy chính nhãn hiệu NIIGATA6NSF-M, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70058, số đăng ký QB-91076-TS, cơ quan đăng kiểm: Trung tâm đăng kiểm tàu cá Quảng Bình, cấp tại Quảng Bình ngày 27/02/2017 vào sổ ĐKTCQG số: Bảo Ninh ngày 27/02/2017.

Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu phía bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Agribank toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 21/09/2022 là: 1.185.617.146 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng); Trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 185.617.146 đồng (Nợ lãi trong hạn: 174.560.233 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.056.913 đồng); buộc ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 3807-LAV-201900257 ngày 29/03/2019 cho đến ngày thực tế trả hết nợ gốc cho A; Tuyên nếu ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A Chi nhánh Quang T Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bị đơn thừa nhận số dư nợ theo hợp đồng tín dụng như Nguyên đơn đã yêu cầu, bị đơn cam kết sẽ trả nợ dần. Hiện nay điều kiện kinh tế gia đình đang gặp khó

khẩn trong công việc làm ăn, do tình hình chung về dịch bệnh Covid-19 nên bị đơn xin Ngân hàng tạo điều kiện gia hạn thêm thời gian để tìm cách trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với đề nghị này của bị đơn thì nguyên đơn không nhất trí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng N (A) yêu cầu Tòa án buộc ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T phải thanh toán ngay cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, phát sinh giữa nguyên đơn Ngân hàng là Tổ chức tín dụng có đăng ký kinh doanh, bị đơn ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T không có đăng ký kinh doanh, trong hợp đồng tín dụng thể hiện ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T cư trú tại Thôn Hà T, xã Bảo N, thành phố Đồng H, tỉnh Quảng Bình và hiện nay ông, bà vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú theo địa chỉ trên. Căn cứ theo quy định của khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015 thì “Thời hiệu khởi kiện ... tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Khoản vay của ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T theo Hợp đồng tín dụng số: 3807-LAV-201900257 ngày 29/03/2019 được ký giữa A Chi nhánh Quang T Quảng Bình (Bên cho vay) với ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T (Bên vay) đã phát sinh quá hạn từ ngày 29/3/2021. Do đó, ngày 05/5/2022 Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng vẫn còn thời hiệu.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập làm việc, hòa giải, các bên đương sự đều chấp hành giấy triệu tập của Tòa án có mặt đầy đủ tuy nhiên vụ án thuộc trường hợp hoà giải không thành. Ngày 06/9/2022 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2022/QĐXXST-DS, mở phiên tòa vào ngày 21/9/2022, các bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu phía bị đơn trả toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 21/9/2022 là: 1.185.617.146 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng) Trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 185.617.146 đồng (Nợ lãi trong hạn: 174.560.233 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.056.913 đồng); yêu cầu ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 3807-LAV-201900257 ngày 29/03/2019 cho đến ngày thực tế trả hết nợ gốc cho Agribank.

Hội đồng xét xử thấy: Phía Ngân hàng và bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng số 3807-LAV-201900257 ngày 29/03/2019 đã tuân theo đúng quy định của pháp luật. Hợp đồng tín dụng do tổ chức hoạt động tín dụng và người có năng lực hành vi dân sự ký kết; về hình thức, nội dung tuân theo các quy định tại Điều 385, 386, 388, 398, 399, 400, 401, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật tổ chức tín dụng 2010, Hợp đồng ký kết có hiệu lực đã được hai bên thực hiện, bị đơn - ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T đã nhận được số tiền vay vốn do phía Ngân hàng giải ngân. Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết nêu trên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nên hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Theo bảng kê chi tiết lịch sử khoản vay do Ngân hàng cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã thực hiện được một phần nội dung hợp đồng tín dụng nhưng đến ngày 29/3/2021 bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng ngày 29/03/2019, và tiếp theo đó bị đơn đã vi phạm nhiều kỳ trả nợ gốc và lãi như đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết. Tính đến hết ngày 21/9/2022 là: 1.185.617.146 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng); Trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 185.617.146 đồng (Nợ lãi trong hạn: 174.560.233 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.056.913 đồng) theo hợp đồng tín dụng số 3807-LAV-201900257 ngày 29/03/2019.

Trước khi khởi kiện, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn yêu cầu bị đơn trả nợ và tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà còn trốn tránh việc trả nợ, bị đơn đã vi phạm Hợp đồng đã ký kết. Nay Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 21/9/2022 là: 1.185.617.146 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng); Trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 185.617.146 đồng (Nợ lãi trong hạn: 174.560.233 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.056.913 đồng) theo hợp đồng tín dụng số 3807-LAV-201900257 ngày 29/03/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có mặt làm bản tự khai đã thừa nhận ký kết hợp đồng tín dụng với A đúng như nội dung Ngân hàng khởi kiện. Bị đơn thừa nhận số nợ trên. Do bị đơn đang làm ăn gặp khó khăn

nên đề nghị Ngân hàng gia hạn để bị đơn có điều kiện trả nợ dần gốc lãi cho Ngân hàng. Đối với đề nghị này của bị đơn thì nguyên đơn không chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng tại phiên tòa ý kiến của bị đơn đều thừa nhận số dư nợ theo hợp đồng tín dụng mà nguyên đơn đã yêu cầu, bị đơn cam kết trả nợ dần, căn cứ vào hợp đồng tín dụng có đủ cơ sở buộc ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T có trách nhiệm phải trả số nợ gốc và lãi trên cho Ngân hàng là đúng quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ký giữa ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T với A cho đến ngày ông H và bà T trả nợ xong cho A.

[2.3] Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cụ thể: Tàu đánh cá vỏ gỗ, máy chính nhãn hiệu NIIGATA6NSF-M, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70058, số đăng ký QB-91076-TS, cơ quan đăng kiểm: Trung tâm đăng kiểm tàu cá Quảng Bình, cấp tại Quảng Bình ngày 27/02/2017 vào sổ ĐKTCQG số: Bảo Ninh ngày 27/02/2017. Tài sản này đã được thế chấp và thực hiện công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của Pháp luật. Hiện tại tài sản bảo đảm đã bị cháy hoàn toàn do nguyên nhân chập điện theo hồ sơ của Công an thành phố Đồng Hới.

Tại phiên tòa đại diện Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T phải bổ sung tài sản bảo đảm thay thế cho tài sản bảo đảm đã bị cháy là Tàu đánh cá vỏ gỗ, máy chính nhãn hiệu NIIGATA6NSF-M, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70058, số đăng ký QB-91076-TS, cơ quan đăng kiểm: Trung tâm đăng kiểm tàu cá Quảng Bình, cấp tại Quảng Bình ngày 27/02/2017 vào sổ ĐKTCQG số: Bảo Ninh ngày 27/02/2017. Hội đồng xét xử thấy rằng việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn ông Trương H - bà Phan Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng cộng 3% của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng là 1.185.617.146 đồng - 800.000.000 đồng = 385.617.146 đồng x 3% = 11.568.000 đồng + 36.000.000 đồng = **47.568.000 đồng** để sung quỹ nhà nước.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 23.198.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 31AA/2021/ 0001178 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 35; Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 116, 119, 385, 398, 401, 466 Bộ luật dân sự (2015);

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng (2010);

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn N (A):

1.1 Buộc ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tính đến hết ngày 21/9/2022 là: **1.185.617.146 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ, một trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, một trăm bốn mươi sáu đồng); Trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; Nợ lãi: 185.617.146 đồng (Nợ lãi trong hạn: 174.560.233 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.056.913 đồng) theo hợp đồng tín dụng số 3807-LAV-201900257 ngày 29/03/2019.

1.2 Từ ngày 22/9/2022 cho đến khi trả hết tiền gốc, hàng tháng ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh từ số tiền gốc chưa trả theo mức lãi suất tại hợp đồng tín dụng số 3807-LAV-201900257 ngày 29/03/2019.

1.3. Trường hợp nếu ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A Chi nhánh Quang T Quảng Bình có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trương H – bà Phan Thị Hồng T phải bổ sung tài sản bảo đảm thay thế cho tài sản bảo đảm đã bị cháy là Tàu đánh cá vỏ gỗ, máy chính nhãn hiệu NIIGATA6NSF-M, theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70058, số đăng ký QB-91076-TS, cơ quan đăng kiểm: Trung tâm đăng kiểm tàu cá Quảng Bình, cấp tại Quảng Bình ngày 27/02/2017 vào sổ ĐKTCQG số: Bảo Ninh ngày 27/02/2017.

3. Án phí:

3.1 Bị đơn - ông Trương H - bà Phan Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là **47.568.000 đồng** để sung quỹ Nhà nước.

3.2 Nguyên đơn Ngân hàng N (A) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí 23.198.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 31AA/2021/ 0001178 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Báo cho nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21/9/2022).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP. Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa